Logo

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Mã dự án | **TMS** |
| Mã tài liệu | **TMS** |
| Phiên bản tài liệu | **1.4** |

HO: 197 Nguyen Thi Minh Khai, Nguyen Cu Trinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City  
Office: Floor 3, 927 Tran Hung Dao St. Ward 1, District 5, Ho Chi Minh City  
Website: minerva.vn | Email: info@minerva.vn

**HƯỚNG DẪN tạo file biểu mẫu**

**BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI TÀI LIỆU**

| **Ngày thay đổi** | **Vị trí thay đổi** | **Lý do** | **Phiên bản cũ** | **Mô tả thay đổi** | **Phiên bản mới** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 18/03/2022 | Mục IV | Thêm quy định tạo bảng ký tự dập nổi | 1.0 | Thêm quy định tạo bảng ký tự dập nổi | 1.1 |
| 05/04/2022 |  | Đổi mục lục  Bổ sung ví dụ về tạo checkbox có điền text mở rộng.  Thêm hướng dẫn mở chế độ View Gridlines cho Bảng. | 1.1 | - Bổ sung ví dụ về tạo checkbox có điền text mở rộng.  - Thêm hướng dẫn mở chế độ View Gridlines cho Bảng. | 1.2 |
| 25/04/2022 |  | Thêm giải thích từ khóa | 1.2 | Thêm giải thích từ khóa | 1.3 |
| 20/06 |  | Thêm hướng dẫn tạo bảng ẩn dòng và bảng trong bảng |  |  |  |

**BẢNG GIẢI THÍCH TỪ KHÓA**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Từ khóa** | **Giải thích** |
| 1 | TMS | Hệ thống quản lý biểu mẫu |
| 2 | field | Phần được thay thế bởi dữ liệu sau khi người dùng nạp dữ liệu vào biểu mẫu. |
| 3 | checkbox | Ô lựa chọn |
| 4 | border | Đường viền của bảng |
| 5 | No Border | Ẩn đường viền của bảng |
| 6 | Gridline | Đường lưới, để người soạn thảo thấy các đường viền đã ẩn của bảng khi soạn thảo. |
| 7 | Microsoft Office Word | Chương trình soạn thảo văn bản phát triển bởi Microsoft |
| 8 | PDF | File tài liệu di động, cho phép trình bày tài liệu một cách nhất quán trên nhiều thiết bị và nền tảng. |
| 9 | Cell | Ô của bảng |

Nội dung

[I. Quy định chung 4](#_Toc101813916)

[II. Một số thao tác định dạng trên Microsoft Office Word 5](#_Toc101813917)

[1. Cách chèn Developer checkbox 5](#_Toc101813918)

[2. Cách mở chế độ View Gridlines 6](#_Toc101813919)

[III. Quy định tạo checkbox 7](#_Toc101813920)

[1. Một lựa chọn, nhiều lựa chọn 7](#_Toc101813921)

[2. Một lựa chọn, nhiều lựa chọn có điền thêm dữ liệu phía sau 8](#_Toc101813922)

[IV. Quy định tạo bảng nạp dữ liệu nhiều dòng 9](#_Toc101813923)

[V. Quy định tạo bảng ký tự dập nổi 11](#_Toc101813924)

# Quy định chung

* Nên sử dụng Microsoft Office Word phiên bản 2007 trở lên. Khuyến khích dùng phiên bản 2016.
* File biểu mẫu phải được xuất ra dạng đuôi **docx**.
* Field nằm trong cặp ký tự đặc biệt “«”,“»” (không phải cặp dấu lớn bé) và phải ngắn hơn 100 ký tự. VD: **«sotien»**
* Field được định dạng trong Microsoft Office Word như thế nào thì khi nạp dữ liệu vào sẽ **giữ nguyên** định dạng đó. VD: **«sotien»** được in đậm và gạch chân, chữ xanh thì khi nạp dữ liệu sẽ ra kết quả là **một triệu đồng**.
* Tên field là **duy nhất**, chỗ nào cùng tên field thì sẽ nạp dữ liệu giống nhau. VD: **«sotien»** có ở đầu văn bản và cuối văn bản, khi nạp dữ liệu thì cả 2 vị trí trên đều có dữ liệu như nhau.

# Một số thao tác định dạng trên Microsoft Office Word

## Cách chèn Developer checkbox

* Hiện tại TMS chỉ hỗ trợ ô lựa chọn dạng Developer checkbox có từ phiên bản Microsoft Office Word 2007 trở đi, không hỗ trợ các dạng khác như ô lựa chọn dạng ký hiệu (Symbol).
* Để tạo các ô lựa chọn thì cần bật chế độ developer.
  + Chọn **File** -> **Options** -> **Customize Ribbon**, tìm đến **Developer** và chọn vào ô checkbox bên cạnh để bật.

Graphical user interface, application

Description automatically generated

* + Chọn tab Developer và chọn hình bên dưới để tạo ô lựa chọn.

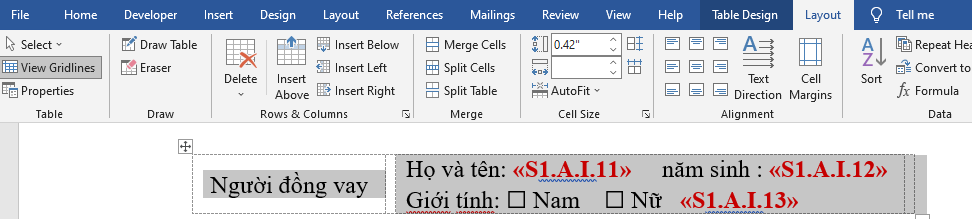
Graphical user interface, application, Word

Description automatically generated

VD:

## Cách mở chế độ View Gridlines

* Để tăng tính thẩm mỹ sau khi xuất file PDF có thể xóa bỏ border bảng, khi soạn thảo người dùng có thể xóa border và mở chế độ View Gridlines vẫn có thể thấy được đường border mờ của bảng.
  + Cách kích hoạt: click chọn **Bảng bất kỳ** -> chọn **Table Tools -** **Layout** -> chọn **View Gridlines**.



Kết quả:

|  |  |
| --- | --- |
| Người đồng vay | Họ và tên: **«S1.A.I.11»** năm sinh : **«S1.A.I.12»**  Giới tính:  Nam  Nữ **«S1.A.I.13»** |

* + Chỉ cần kích hoạt một lần, thiết lập này sẽ được lưu lại trên Microsoft Office Word.

# Quy định tạo checkbox

* Tạo developer checkbox đã hướng dẫn ở [Mục II.1](#_Cách_chèn_Developer), phía sau checkbox là giá trị lựa chọn của checkbox đó. TMS sẽ hiển thị các giá trị cho người dùng chọn, người dùng chọn giá trị nào thì checkbox tương ứng sẽ chuyển trạng thái từ không chọn () sang chọn ().

VD:  Đây là checbox mẫu.

* Field tượng trưng cho nhóm các checkbox sẽ nằm ở phía sau checkbox cuối cùng.

VD: Giới tính: Nam Nữ **«gioitinh»**

* Chỉ sử dụng duy nhất một field cho một nhóm các checkbox.
* Các checkbox và field tượng trưng cho nhóm các checkbox đó phải nằm trong cùng một ô trong bảng. Nếu muốn file sau khi nạp dữ liệu xuất ra PDF mà không hiển thị bảng đó thì chọn No Border cho bảng đó.
* Lưu ý:
  + Đối với nhóm checbox, TMS đang hỗ trợ 6 kiểu nhập liệu sau:
    - Một lựa chọn – Dropdown list
    - Một lựa chọn – Radio list
    - Nhiều lựa chọn – Dropdown list
    - Nhiều lựa chọn – Checkbox list
    - Một lựa chọn – Điền thêm dữ liệu
    - Nhiều lựa chọn – Điền thêm dữ liệu
  + Khi tạo biểu mẫu, hệ thống sẽ để mặc định kiểu nhập liệu của các nhóm checkbox này là Một lựa chọn – Dropdown list.
  + Nếu cần đổi sang các kiểu nhập liệu cho checkbox khác như checkbox nhiều lựa chọn hoặc checkbox điền thêm dữ liệu thì người dùng cần thao tác trên website TMS để thiết lập sang các kiểu nhập liệu cho checkbox khác (Tham khảo file Hướng dẫn thiết lập biểu mẫu).

## Một lựa chọn, nhiều lựa chọn

VD1:

|  |  |
| --- | --- |
| Giới tính | Nam  Nữ **«S1.A.I.15»** |

Hệ thống sẽ xác định field có key là **S1.A.I.15** là checkbox có 2 giá trị để lựa chọn là **Nam** và **Nữ**.

VD2: Có thể có nhiều nhóm các checkbox cùng nằm trong một ô.

|  |
| --- |
| Tình trạng hôn nhân:  Độc thân  Đã có gia đình **«nhom1»**  Thu nhập trung bình trong 03 tháng gần nhất (tính theo VND):  Dưới 10 triệu  10 đến dưới 30 triệu  30 đến dưới 70 triệu  70 đến dưới 100 triệu  Trên 100 triệu **«nhom2»** |

TMS sẽ phân tích ra kết quả 2 field:

* + **nhom1** có 2 giá trị để lựa chọn là **Độc thân** và **Đã có gia đình**
  + **nhom2** có 5 giá trị để lựa chọn là **Dưới 10 triệu**, **10 đến dưới 30 triệu**, **30 đến dưới 70 triệu**, **70 đến dưới 100 triệu** và **Trên 100 triệu**.
* VD3: Nhóm ô nhập Nhiều lựa chọn

Cách tạo checkbox như trên

|  |
| --- |
| Lương  Phụ cấp  Kinh doanh **«thunhap»** |

Kết quả:

|  |
| --- |
| Lương  Phụ cấp  Kinh doanh |

## Một lựa chọn, nhiều lựa chọn có điền thêm dữ liệu phía sau

Cách tạo giống như tạo checkbox một lựa chọn, nhiều lựa chọn bên trên, chỉ khác là phải thiết lập thêm ở website TMS để hệ thống có thể hiểu được.

|  |
| --- |
| Thẻ Nội Địa:  Thẻ Visa:  Thẻ Master: **«taikhoan»** |

*Kết quả:*

|  |
| --- |
| Thẻ Nội Địa: 1234 5678 7890 1234  Thẻ Visa: 1234 0000 0000 0000  Thẻ Master: |

# Quy định tạo bảng nạp dữ liệu nhiều dòng

* Tạo một bảng, các field muốn chèn nhiều dòng dữ liệu phải nằm cùng một dòng của bảng.
* Nếu muốn file sau khi nạp dữ liệu xuất ra PDF mà không hiển thị bảng có thể chọn No Border.

***Lưu ý:*** *khi tạo biểu mẫu, hệ thống sẽ hiểu kiểu nhập liệu cho các field trong bảng là Ô nhập một dòng, người dùng cần thao tác trên website TMS để nhóm các field thành một nhóm thì TMS mới hiểu đây là bảng cần nạp dữ liệu nhiều dòng (Tham khảo file Hướng dẫn thiết lập biểu mẫu).*

VD1: Trường hợp bình thường

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Mối quan hệ với người vay** | **Địa chỉ liên lạc** | **Số điện thoại liên lạc** |
| «STT» | «S1.A.I.5.1» | «S1.A.I.5.2» | «S1.A.I.5.3», «S1.A.I.5.4», «S1.A.I.5.5», «S1.A.I.5.6» | «S1.A.I.5.7» |

Kết quả sau khi nạp nhiều dòng dữ liệu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Mối quan hệ với người vay** | **Địa chỉ liên lạc** | **Số điện thoại liên lạc** |
| 1 | Võ Văn A | Chồng | Thôn A, Xã B, Huyện C, Tỉnh D | 0123456789 |
| 2 | Nguyễn Thị B | Con | Thông Đạm Thuỷ Nam, Xã Đức Minh, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi | 0987654321 |
| 3 | Lê Thị C | Con | TDP E, Phường F, Quận G, Tỉnh H | 0453698512 |

VD2: Bảng nằm trong bảng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người đồng vay | |  | | --- | | Họ và tên: **«S1.A.I.11»** năm sinh : **«S1.A.I.12»**  Giới tính:  Nam  Nữ **«S1.A.I.13»** | |

Kết quả sau khi nạp dữ liệu 3 người đồng vay:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Người đồng vay | |  | | --- | | Họ và tên: **Nguyễn Văn A** năm sinh : **1999**  Giới tính:  Nam  Nữ | | Họ và tên: **Lê Thị B** năm sinh : **2000**  Giới tính:  Nam  Nữ | | Họ và tên: **Võ Văm C** năm sinh : **2001**  Giới tính:  Nam  Nữ | |

VD3: Để tăng tính thêm tính thẩm mỹ thì nên để No Border ở bảng bên trong, thêm tab ở trước chữ năm sinh để sau khi nạp dữ liệu vẫn được canh chỉnh đúng vị trí.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người đồng vay | |  | | --- | | Họ và tên: **«S1.A.I.11»** năm sinh : **«S1.A.I.12»**  Giới tính:  Nam  Nữ **«S1.A.I.13»** | |

Kết quả sau khi nạp dữ liệu 3 người đồng vay và ẩn đường viền bảng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Người đồng vay | |  | | --- | | Họ và tên: **Nguyễn Văn A** năm sinh : **1999**  Giới tính:  Nam  Nữ | | Họ và tên: **Lê Thị B** năm sinh : **2000**  Giới tính:  Nam  Nữ | | Họ và tên: **Võ Văm C** năm sinh : **2001**  Giới tính:  Nam  Nữ | |

VD4: Xóa bảng nạp dữ liệu nhiều dòng khi điền dữ liệu rỗng.

|  |  |
| --- | --- |
| Người đồng vay | Họ và tên: **«hovaten»** |

* Bảng có thể được xóa khi người dùng đã thiết lập bảng nạp dữ liệu nhiều dòng, mà điền vào dữ liệu rỗng. Ví dụ trong bảng trên nếu người dùng điền dữ liệu rỗng cho nhóm chứa field **«hovaten»** thì sau khi hệ thống xuất ra tài liệu, bảng này sẽ bị xóa.

***Lưu ý:*** *Hệ thống chỉ hỗ trợ xóa bảng nếu như bảng chỉ có 1 dòng* *duy nhất. Đối với bảng có nhiều dòng, cho dù người dùng nhập dữ liệu rỗng thì hệ thống vẫn không xóa bảng đó.*

# Quy định tạo bảng ký tự dập nổi

* Bảng ô ký tự dập nổi và field phải cùng nằm trong một bảng hoặc cùng một ô của bảng (nên tạo 1 bảng nhóm 2 thành phần này lại, nếu muốn file sau khi nạp dữ liệu xuất ra PDF mà không hiển thị bảng đó thì chọn No Border cho bảng đó).
* Các ô trong bảng dập nổi cần điền vào thì phải để trống.
* Bảng dập nổi nên định dạng căn giữa ô (Align Center). Chữ bên trong các ô muốn sau khi nạp dữ liệu vào ra định dạng như thế nào thì cần định dạng trước.

***Lưu ý:*** *khi tạo biểu mẫu, hệ thống sẽ hiểu kiểu nhập liệu cho các field trong bảng là Ô nhập một dòng, người dùng cần thao tác trên website TMS để thay đổi kiểu nhập liệu sang Ô ký tự dập nổi (Tham khảo file Hướng dẫn thiết lập biểu mẫu).*

VD1: Họ và tên dập nổi

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ tên dập nổi trên thẻ (chữ in, không dấu, tối đa 21 ký tự kể cả khoảng trắng)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   *(Trường hợp Tài khoản thanh toán chung kết nối với thẻ, Chủ thẻ chính là Khách hàng đăng ký tại Mục Thông tin Khách hàng/Chủ tài khoản).* **«S1.A.1.10.14»** |

Kết quả sau khi điền **NGUYEN PH THAO QUYEN**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ tên dập nổi trên thẻ (chữ in, không dấu, tối đa 21 ký tự kể cả khoảng trắng)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | N | G | U | Y | E | N |  | P | H |  | T | H | A | O |  | Q | U | Y | E | N |  |   *(Trường hợp Tài khoản thanh toán chung kết nối với thẻ, Chủ thẻ chính là Khách hàng đăng ký tại Mục Thông tin Khách hàng/Chủ tài khoản).* |

VD2: Mã hồ sơ

* Nếu mã được phân cách bởi dấu gạch ngang, thì dấu gạch ngang phải là 1 ký tự nằm trong bảng. Nếu muốn tăng tính thẩm mỹ sau khi xuất file PDF thì có thể xóa bỏ border cho các ô chứa dấu gạch ngang.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã Hồ Sơ   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  | - |  |  | - |  |  | - |  |  | - |  |  |  |  |  | - |  |  |  |  |  |  |  |   *(NĂM-THÁNG-NGÀY-GIỜ-MÃ NHÂN VIÊN-MÃ KHÁCH HÀNG)* **«S1.A.1.10.15»** |

Kết quả sau khi điền **22-03-17-10-50001-7000001**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã Hồ Sơ   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 2 | 2 | - | 0 | 3 | - | 1 | 7 | - | 1 | 0 | - | 5 | 0 | 0 | 0 | 1 | - | 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |   *(NĂM-THÁNG-NGÀY-GIỜ-MÃ NHÂN VIÊN-MÃ KHÁCH HÀNG)* |

# Quy định tạo bảng trong bảng

**Để gom được nhóm thì các field phải nằm trong cùng 1 row**

Có 2 cách soạn thảo bảng trong bảng

* **Cách 1:** bảng cha là 1 bảng, bảng con là 1 bảng nằm trong cell của bảng cha (trong cell này cần phải có it nhất một field). Kết hợp với việc no border bảng trong file hướng dẫn để file khi in sẽ không bị thừa border của bảng con. Cách này sẽ có nhược điểm là bảng con khi chèn vào cell của bảng cha có thể sẽ bị lệch các cột so với bảng cha.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tài sản bảo đảm «Count»**   |  |  | | --- | --- | | *BĐS tại thửa đất số «S1.A.V.2.1.10.1.14.12», tờ bản đồ số «S1.A.V.2.1.10.1.14.13»*  *Địa chỉ đất trên GCN: «S1.A.V.2.1.10.1.14.5» «S1.A.V.2.1.10.1.14.6» «S1.A.V.2.1.10.1.14.7» «S1.A.V.2.1.10.1.14.8»*  *Địa chỉ CTXD 1 trên GCN: «S1.A.V.2.1.10.1.16.7» «S1.A.V.2.1.10.1.16.8» «S1.A.V.2.1.10.1.16.9» «S1.A.V.2.1.10.1.16.10»* |  | | *Địa chỉ CTXD «STT» trên GCN: «S1.A.V.2.1.10.1.17.18» «S1.A.V.2.1.10.1.17.19» «S1.A.V.2.1.10.1.17.20» «S1.A.V.2.1.10.1.17.21»* |  | | *Địa chỉ thực tế: «S1.A.V.2.1.2» «S1.A.V.2.1.3» «S1.A.V.2.1.4» «S1.A.V.2.1.5»* |  | | Hiện trạng: | «S1.A.V.1.12» | | Chủ sở hữu **Đất và CTXD 1:** | «S1.A.V.2.1.10.1.9»«S1.A.V.2.1.10.1.11»«S1.A.V.2.1.10.1.12.24» | | Chủ sở hữu GCN **CTXD** *«STT»***:** | «S1.A.V.2.1.10.1.17.9»«S1.A.V.2.1.10.1.17.11»« S1.A.V.2.1.10.1.17.12.22» | | *«S2.A.VIII.2.1.5», Lý do:* **«S2.A.VIII.2.1.6»** |  | |

Sau khi ẩn border

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tài sản bảo đảm «Count»**   |  |  | | --- | --- | | *BĐS tại thửa đất số «S1.A.V.2.1.10.1.14.12», tờ bản đồ số «S1.A.V.2.1.10.1.14.13»*  *Địa chỉ đất trên GCN: «S1.A.V.2.1.10.1.14.5» «S1.A.V.2.1.10.1.14.6» «S1.A.V.2.1.10.1.14.7» «S1.A.V.2.1.10.1.14.8»*  *Địa chỉ CTXD 1 trên GCN: «S1.A.V.2.1.10.1.16.7» «S1.A.V.2.1.10.1.16.8» «S1.A.V.2.1.10.1.16.9» «S1.A.V.2.1.10.1.16.10»* |  | | *Địa chỉ CTXD «STT» trên GCN: «S1.A.V.2.1.10.1.17.18» «S1.A.V.2.1.10.1.17.19» «S1.A.V.2.1.10.1.17.20» «S1.A.V.2.1.10.1.17.21»* |  | | *Địa chỉ thực tế: «S1.A.V.2.1.2» «S1.A.V.2.1.3» «S1.A.V.2.1.4» «S1.A.V.2.1.5»* |  | | Hiện trạng: | «S1.A.V.1.12» | | Chủ sở hữu **Đất và CTXD 1:** | «S1.A.V.2.1.10.1.9»«S1.A.V.2.1.10.1.11»«S1.A.V.2.1.10.1.12.24» | | Chủ sở hữu GCN **CTXD** *«STT»***:** | «S1.A.V.2.1.10.1.17.9»«S1.A.V.2.1.10.1.17.11»« S1.A.V.2.1.10.1.17.12.22» | | *«S2.A.VIII.2.1.5», Lý do:* **«S2.A.VIII.2.1.6»** |  | |

* **Cách 2:** chỉ dùng 1 bảng, có merge cell ngoài cùng để biết các dòng nào cần lặp lại của bảng cha. Phần nào cần lặp lại thì đặt vào bảng con bên trong 1 cell của bảng cha

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
|  |  |
|  |
| |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |  |  | |
|  |

\_\_\_ **HẾT** \_\_\_